

Số: 1346 /TTr-UBND

Gia Lai, ngày 07 tháng 6 năm 2023

## TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ  
sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực  
khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

(Khoá XII, Kỳ họp thứ 13)

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND  
TỈNH GIA LAI

Số: 375

ĐẾN Ngày: 07/6/2023

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của  
Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số  
37/TTr-SKHHCN, ngày 17 tháng 5 năm 2023 về hồ sơ trình HĐND tỉnh ban hành  
Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà  
nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết  
ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc  
lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, với nội dung cụ thể  
như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

#### 1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số  
60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập,  
Nghị định đã quy định rõ các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà  
nước.

- Tại khoản 1, Điều 4 có quy định “ngân sách nhà nước chuyển từ hỗ trợ  
cho các đơn vị sự nghiệp công sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo,  
đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu;  
chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt

*hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Việc bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và lộ trình điều chỉnh tính đủ các chi phí hình thành giá dịch vụ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”.*

- Tại điểm b khoản 1 Điều 37 có quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *“Ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ”.*

Tính đến thời điểm hiện nay, trong phạm vi toàn quốc đã có các tỉnh như: Đồng Nai, Ninh Bình, Quảng Trị, Thái Nguyên, Trà Vinh, Thừa Thiên - Huế, Tây Ninh.... *(Nghị quyết ban hành riêng cho lĩnh vực khoa học và công nghệ)*, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Lâm Đồng, Tiền Giang, Sóc Trăng, Sơn La,... *(Nghị quyết ban hành chung cho nhiều lĩnh vực)*,... đã ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Vì vậy, để các cơ quan có thẩm quyền tỉnh Gia Lai có căn cứ xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí *(nếu có)* làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ để giao nhiệm vụ, đặt hàng cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập, các tổ chức sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ đang thực hiện cơ chế tự chủ tài chính thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thì việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai là thật sự cần thiết, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và đúng với các quy định của pháp luật.

## **2. Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh**

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó, tại **điểm b khoản 3 Điều 4** quy định về thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: *“Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, gửi Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giám sát trong quá trình thực hiện”.*

Vậy việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm mục đích tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (*tổ chức khoa học và công nghệ công lập; các tổ chức sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ*) hoặc đấu thầu lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

### **2. Quan điểm**

Xây dựng và ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức và trình tự thủ tục xây dựng văn bản đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh trong giai đoạn phát triển hiện nay.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

- Thực hiện Văn bản số 161/UBND-KTTH ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành Chương trình công tác năm 2023 của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, dự thảo Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Dự thảo đã được lấy ý kiến của các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Tính đến ngày 05/6/2023 đã có 17 Sở, ngành, đơn vị và 11 UBND cấp huyện tham gia ý kiến góp ý vào dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh là lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh thống nhất trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT.**

### **1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết gồm 02 Điều kèm theo 01 Phụ lục Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

### **2. Nội dung cơ bản của Danh mục dịch vụ sự nghiệp công**

Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gồm 17 dịch vụ, cụ thể như sau:

- Lĩnh vực dịch vụ hoạt động khoa học và công nghệ: 04 dịch vụ;
- Lĩnh vực dịch vụ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (bao gồm thông tin khoa học và công nghệ): 10 dịch vụ;
- Lĩnh vực dịch vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng: 03 dịch vụ.

*(Dự thảo Nghị quyết và danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ kèm theo)*

## V. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được phân bổ hàng năm *(theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm và nhiệm vụ được giao)*.

Cơ sở vật chất, nhân lực chủ yếu để thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh *(tổ chức khoa học và công nghệ công lập; các tổ chức sự nghiệp công lập khác có hoạt động khoa học và công nghệ)*.


Trên đây là Tờ trình xin thông qua dự thảo Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ 13 xem xét thông qua.

\* Hồ sơ gửi kèm Tờ trình này gồm có:

(1) *Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

(2) *Tờ trình số 37/TTr-SKHCN, ngày 17/5/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

(3) *Bảng tổng hợp ý kiến góp ý của các sở, ngành; văn bản góp ý của các Sở: Tài chính, Tư pháp, Công an tỉnh.*

(4) *Hồ sơ, văn bản có liên quan khác.* 

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy *(báo cáo)*;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Thanh Lịch**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND  
(DỰ THẢO)

Gia Lai, ngày tháng năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng  
ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ  
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI  
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ XIII**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ...tháng .....năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số..... và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân, Hội đồng

nhân dân các cấp và các cơ quan chức năng có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, kỳ họp thứ..... thông qua ngày ... tháng .... năm 2023 và có hiệu thực thi hành kể từ ngày ký/.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ; Vụ Pháp chế thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Báo Gia Lai; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**

**HỒ VĂN NIÊN**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH**  
**NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)*

TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công
<b>I</b>	<b>DỊCH VỤ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>
1	Biên soạn và xuất bản các ấn phẩm thông tin khoa học và công nghệ
2	Thông tin phổ biến kiến thức về khoa học và công nghệ
3	Dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo <i>- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (pháp lý, tài chính, sở hữu trí tuệ, thông tin công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, và các dịch vụ khác)</i> <i>- Cung cấp dịch vụ ương tạo, dịch vụ đào tạo tập trung cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</i>
4	Thu thập, lưu giữ một số giống cây trồng, dược liệu đặc thù, có giá trị trên địa bàn tỉnh
<b>II</b>	<b>DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (BAO GỒM THÔNG TIN VÀ THÔNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ)</b>
1	Tổ chức Triển lãm khoa học và công nghệ
2	Tổ chức Hội chợ công nghệ và thiết bị
3	Xây dựng và vận hành sàn giao dịch thông tin, công nghệ thiết bị trực tuyến
4	Tổ chức hoạt động giao dịch thông tin công nghệ và thiết bị
5	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ công nghệ, chuyên gia công nghệ
6	Xây dựng và quản trị hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ
7	Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin khoa học và công nghệ
8	Xây dựng và phát triển cổng thông tin khoa học và công nghệ

9	Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ
10	Thống kê khoa học và công nghệ <i>- Điều tra thống kê khoa học và công nghệ</i> <i>- Hoạt động nghiệp vụ thống kê khoa học và công nghệ</i>
<b>III</b>	<b>DỊCH VỤ LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG</b>
1	Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường địa phương
2	Tư vấn xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước
3	Tổ chức Giải thưởng chất lượng Quốc gia



Số: 37 /TTr-SKHCN

Gia Lai, ngày 17 tháng 5 năm 2023

## TỜ TRÌNH

**Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

#### 1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định đã quy định rõ các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

- Tại khoản 1 Điều 4 có quy định “*ngân sách nhà nước chuyển từ hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Việc bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và lộ trình điều chỉnh tính đủ các chi phí hình thành giá dịch vụ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền*”.

- Tại điểm b khoản 1 Điều 37 có quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh “*Ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ*”.

Tính đến thời điểm hiện nay, trong phạm vi toàn quốc đã có các tỉnh như: Đồng Nai, Ninh Bình, Quảng Trị, Thái Nguyên, Trà Vinh, Thừa Thiên - Huế, Tây Ninh... (Nghị quyết ban hành riêng cho lĩnh vực khoa học và công nghệ), Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Lâm Đồng, Tiền Giang, Sóc Trăng, Sơn La,... (Nghị

*quyết ban hành chung cho nhiều lĩnh vực),... đã ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.*

Vi vậy, để các cơ quan có thẩm quyền tỉnh Gia Lai có căn cứ xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ để giao nhiệm vụ, đặt hàng cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập, các tổ chức sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ đang thực hiện cơ chế tự chủ tài chính thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thì việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai là thật sự cần thiết, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và đúng với các quy định của pháp luật.

## **2. Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh**

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó, tại **điểm b khoản 3 Điều 4** quy định về thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: *“Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, gửi Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giám sát trong quá trình thực hiện”*.

Vậy việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm mục đích tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (*tổ chức khoa học và công nghệ công lập; các tổ chức sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ*) hoặc đấu thầu lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

### **2. Quan điểm**

Xây dựng và ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức và

trình tự thủ tục xây dựng văn bản đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh trong giai đoạn phát triển hiện nay.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

- Thực hiện Văn bản số 161/UBND-KTTH ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành Chương trình công tác năm 2023 của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, dự thảo Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Dự thảo đã được lấy ý kiến của các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Tính đến ngày 20/4/2023 đã có 17 Sở, ngành, đơn vị và 11 Ủy ban nhân dân cấp huyện tham gia ý kiến góp ý và dự thảo Nghị quyết. Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT.**

#### **1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết gồm 02 Điều kèm theo 01 Phụ lục Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

#### **2. Nội dung cơ bản của Danh mục dịch vụ sự nghiệp công**

Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gồm 17 dịch vụ, cụ thể như sau:

- Lĩnh vực dịch vụ hoạt động khoa học và công nghệ: 04 dịch vụ;
- Lĩnh vực dịch vụ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (bao gồm thông tin khoa học và công nghệ): 10 dịch vụ;
- Lĩnh vực dịch vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng: 03 dịch vụ.

### **V. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được phân bổ hàng năm (*theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm và nhiệm vụ được giao*).

Cơ sở vật chất, nhân lực chủ yếu để thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (*tổ chức khoa học và công nghệ công lập; các tổ chức sự nghiệp công lập khác có hoạt động khoa học và công nghệ*).

Trên đây là Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

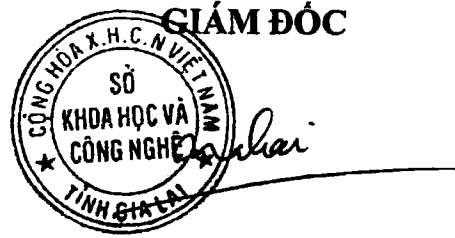
Sở Khoa học và Công nghệ kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

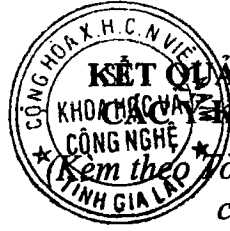
1. Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết;
2. Dự thảo Nghị quyết;
3. Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia góp ý Dự thảo Nghị quyết của các cơ quan, tổ chức; Bản chụp ý kiến góp ý.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tư pháp, Sở Tài chính;
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, CCTĐC.



**Nguyễn Nam Hải**



**Phụ lục**  
**KẾT QUẢ TÓNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH**  
**CÁC Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**  
Số trình số: 37 /TTr-SKHCN ngày 17/5/2023  
của Sở Khoa học và Công nghệ)

Căn cứ Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2023 của HĐND Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 161/UBND-KTTH ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 07/4/2023, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Văn bản số 388/SKHCN-CCTĐC tổ chức lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai gửi đến các Sở, ban ngành thuộc tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và đồng thời đăng tải toàn văn dự thảo văn bản để lấy ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo văn bản.

Đến hết thời hạn lấy ý kiến (ngày 20/4/2023), Sở Khoa học và Công nghệ đã nhận được văn bản góp ý của 28 đơn vị. Trong đó có 25 đơn vị thống nhất với các nội dung của dự thảo, 03 đơn vị có ý kiến tham gia góp ý, cụ thể như sau:

**1. Ý kiến tham gia của các Sở, ban ngành:**

Có 27 Sở, ban ngành tham gia, cụ thể:

1.1. Có 11 sở, ban ngành thống nhất với dự thảo gồm: Ban Dân tộc, Báo Gia Lai, Cục Thuế tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.2. Có 03 đơn vị có ý kiến tham gia thêm gồm: Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Công an tỉnh.

Sở Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ dự thảo.

**2. Ý kiến tham gia của UBND các huyện, thị xã, thành phố:**

Có 11/17 UBND cấp huyện có ý kiến tham gia và thống nhất với dự thảo, gồm: Thành phố Pleiku, Chư Păh, An Khê, Mang Yang, Đak Pơ, Ayun Pa, Chư Prông, Phú Thiện, Ia Grai, Kông Chro và Krông Pa.

**3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh:**

Có 03 đơn vị tham gia và thống nhất với dự thảo là: Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Tỉnh đoàn Gia Lai.

**4. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam:** Không có văn bản tham gia.

**5. Ý kiến góp ý trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ:** Không có ý kiến tham gia. *(Thời gian đăng tải từ ngày 07/4/2023 đến ngày 20/4/2023)*

**6. Nội dung tiếp thu và ý kiến giải trình:** *(Bảng 1 Tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến góp ý hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết kèm theo)*

Bảng 1:

**TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý HOÀN THIỆN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

ST T	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
<b>I. Các Sở ban ngành</b>				
1	Sở Tư pháp	563/STP-NV1 ngày 12/4/2023	<b>1. Về nội dung của dự thảo Nghị quyết</b> a) Tại phần tên gọi, đề nghị bổ sung cụm từ “trên địa bàn” trước cụm từ “ <i>tỉnh Gia Lai</i> ” nhằm đảm bảo tính rõ ràng và thống nhất. Đề đảm bảo tính thống nhất, đề nghị chỉnh sửa nội dung tương tự tại các phần khác của dự thảo văn bản.	Tiếp thu ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện trong Dự thảo Nghị quyết
			b) Tại phần căn cứ ban hành văn bản: - Căn cứ điểm a khoản 6 Mục II Phần I Phụ lục I kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư, đề nghị bỏ các nội dung: + Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; + Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;”	Tiếp thu ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện trong Dự thảo Nghị quyết

ST T	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
			<p>- Bổ sung “<i>Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>”</p>	<p>Sở Khoa học và Công nghệ có nội dung thuyết minh, giải trình về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ Tại Bảng 2</p>
			<p>- Ở nội dung “<i>Xét Tờ trình...</i>”, đề nghị sửa nội dung “<i>Báo cáo thẩm tra số ... /BC-BKTNS ngày ... tháng ... năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh</i>” thành “<i>Báo cáo thẩm tra ...</i>”.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện trong Dự thảo Nghị quyết</p>
			<p>c) <b>Tại Điều 1</b>, để đảm bảo chính xác, ngắn gọn, đề nghị xem xét sửa lại như sau:</p> <p><b>“Điều 1. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai</b></p> <p><i>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.</i>”</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện trong Dự thảo Nghị quyết</p>



ST T	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
			<p><b>d) Tại Điều 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ở khoản 1 và khoản 2, đề nghị sửa từ “<i>Nghị quyết</i>” thành “<i>Nghị quyết này</i>”.</li> <li>- Bổ sung nội dung “<i>và có hiệu lực thi hành từ ngày...</i>” ngay sau nội dung “<i>Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, kỳ họp lần thứ..... thông qua ngày ... tháng .... năm 2023</i>” nhằm đảm bảo tính đầy đủ.</li> </ul>	Tiếp thu ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện trong Dự thảo Nghị quyết
			<p><b>đ) Tại phần Nơi nhận,</b> đề nghị bỏ nội dung: “<i>Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp</i>”, “<i>Công báo tỉnh</i>” nhằm đảm bảo tính chính xác.</p>	Tiếp thu ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện trong Dự thảo Nghị quyết
			<p><b>2. Về thể thức và kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản</b></p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo áp dụng mẫu 1.1 (đối với dự thảo Nghị quyết) và mẫu 2.2 (đối với dự thảo Phụ lục) Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP để trình bày dự thảo đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật. Chẳng hạn như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Điều 2: Trình bày tên Điều bằng kiểu chữ đậm.</li> <li>- Tại phần Phụ lục: Sửa cụm từ “<i>Ban hành kèm theo</i>” thành “<i>Kèm theo</i>”.</li> </ul>	Tiếp thu ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện trong Dự thảo Nghị quyết
			<p><b>3. Vấn đề khác</b></p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý thuyết minh cơ sở để xác định dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh</p>	Sở Khoa học và Công nghệ có thuyết minh cơ sở xác định dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

ST T	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
			<p>vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai đối với các dịch vụ chi tiết, cụ thể không thuộc Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, chẳng hạn như: Dịch vụ thu thập, lưu giữ một số giống cây trồng, dược liệu đặc thù, có giá trị trên địa bàn tỉnh; Dịch vụ xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ công nghệ, chuyên gia công nghệ;...</p>	<p>thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại <b>Bảng 2</b>; Nguồn lực thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tại <b>Bảng 4</b></p>
2	Sở Tài chính	1173/STC-HCSN ngày 13/4/2023	<p>1. Tại điểm b Khoản 2 Điều 4 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2021, quy định:</p> <p><i>“b) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là các bộ, cơ quan trung ương); Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tiếp tục thực hiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền ban hành trong trường hợp danh mục hiện hành phù hợp với quy định tại điểm a khoản này; đồng thời, rà soát để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.”</i></p> <p>Tại khoản 3, Điều 2, Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, quy định:</p>	<p>Sở Khoa học và Công nghệ có nội dung thuyết minh, giải trình về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tại <b>Bảng 2</b></p> <p>Sở Khoa học và Công nghệ có nội dung thuyết minh, giải trình về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công</p>

ST T	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
			<p><i>“Ngoài các danh mục dịch vụ sự nghiệp công ban hành kèm theo Quyết định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương.”</i></p> <p>Tuy nhiên, theo Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tại dự thảo kèm theo Công văn số 388/SKH-CN-QLDL ngày 07/4/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ vẫn còn trùng với danh mục tại Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ, đơn cử như: Xuất bản các ấn phẩm thông tin khoa học và công nghệ; Dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Tổ chức Hội chợ công nghệ...</p> <p>Do đó, đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, rà soát lại Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai phù hợp quy định tại Quyết định 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.</p> <p>Ngoài ra, quá trình rà soát, đề nghị đơn vị lưu ý quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 4 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, quy định:</p> <p><i>“3. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước...</i></p> <p><i>b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch</i></p>	<p>sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tại <b>Bảng 2</b></p>

ST T	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
			<i>vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, gửi Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giám sát trong quá trình thực hiện”</i>	
3	Công an tỉnh	1540/CAT-PV01 ngày 18/4/2023	<p>- Tại khoản 2 Điều 2: đề nghị bổ sung, biên tập lại như sau: 2. Thường trực Hội đồng nhân, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu hội đồng nhân dân, đại biểu hội đồng nhân dân và hội đồng nhân dân các cấp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.</p> <p>Nghị quyết này được hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, kỳ họp lần thứ....thông qua ngày... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày... tháng ... năm...</p> <p>2. Tại phần Nơi nhận: đề nghị bổ sung đối tượng nhận là: “Nhu Điều 2” để biết thực hiện.</p>	Tiếp thu ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện trong Dự thảo Nghị quyết
4	Sở Thông tin và Truyền thông	643/STTTT-VP ngày 19/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
5	Ban Dân tộc	351/BDT-VP&TTĐB ngày 12/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
6	Sở Giao thông vận tải	791/SGTVT-VP ngày 10/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	1335/STNMT-KHTC&TK ngày 18/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	

ST T	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1046/SKHĐT-QLN ngày 20/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
9	Sở Xây dựng	767/SXD-QLXD ngày 13/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1283/SNNPTNT-QLCL&KHCN ngày 10/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	729/SVHTTDL-VP ngày 10/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
12	Cục Thuế tỉnh	666/CTGLA-NVDTPC ngày 10/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
13	Sở LĐT&XH	608/SLĐT&XH-VP ngày 19/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
14	Báo Gia Lai	607/CV-BGL ngày 20/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
<b>II</b>	<b>Các huyện, thị xã, thành phố</b>			
1	UBND thị xã An Khê	594/UBND-KT ngày 12/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
2	UBND thị xã Ayun Pa	1264/UBND-TH ngày 21/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	

ST T	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
3	UBND huyện Mang Yang	679/UBND-KT ngày 24/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
4	UBND huyện Chư Păh	1624/UBND-KT ngày 23/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
5	UBND huyện Chư Prông	693/UBND-KTHT ngày 19/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
6	UBND huyện Đak Pơ	760/UBND-KTHT ngày 20/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
7	UBND huyện Phú Thiện	634/UBND-TH ngày 11/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
8	UBND Thành phố Pleiku	1157/UBND-KT ngày 15/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
9	UBND huyện Ia Grai	483/UBND-KT&HT ngày 12/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
10	UBND huyện Kông Chro	132/CV-KTHT ngày 14/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
11	UBND huyện Krông Pa	562/UBND-KT ngày 17/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
12	UBND huyện Đăk Pơ	760/UBND-KTHT ngày 20/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
<b>III</b>	<b>Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh</b>			

ST T	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
1	Tỉnh đoàn Gia Lai	442-CV/TĐTN- BPT ngày 14/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
2	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Gia Lai	139/LHH-VP ngày 17/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
3	Hội Nông dân	2613-CV/HNDT ngày 13/4/2023	Thống nhất nội dung của dự thảo	
<b>IV</b>	<b>Các đơn vị không có ý kiến phản hồi</b>			
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các sở ngành: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội Vụ; Sở Công Thương; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Ngoại Vụ; Thanh tra tỉnh (07 đơn vị).</li> <li>- UBND các huyện: Kbang, Đức Cơ, Chư Puh, Chư Sê; Đăk Đoa; Ia Pa; (06 địa phương).</li> <li>- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.</li> <li>- Các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội cựu chiến binh (02 đơn vị)</li> <li>- Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh (02 đơn vị)</li> </ul>			

## Bảng 2

### THUYẾT MINH, GIẢI TRÌNH VỀ BAN HÀNH DANH MỤC SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

#### I. Các quy định liên quan đến việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Ngày 27/12/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2099/QĐ-TTg về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (*gọi tắt là Quyết định số 2099*). Trong đó: **Tại khoản 3 Điều 2** quy định “*Ngoài các danh mục dịch vụ sự nghiệp công ban hành kèm theo Quyết định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương*”

2. Đến ngày 10/4/2019 Chính phủ ban hành Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2019 (*gọi tắt là Nghị định số 32*). Trong đó:

- Ban hành **Biểu 01. Phụ lục 01. Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực** (ban hành khung danh mục sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực). Đồng thời có quy định: “Chi tiết các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; chi tiết các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” (**điểm a Khoản 2 Điều 5**);

- Quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương (**điểm a Khoản 1 Điều 26**) “*Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan trung ương; danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích của bộ, cơ quan trung ương theo quy định tại Điều 5 Nghị định này cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ*”;

- Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp (**điểm b Khoản 1 Điều 26**) “*Ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích, thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại Điều 5 Nghị định này cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ*”



3. Ngày 21/6/2021 Chính phủ ban hành Nghị định 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (**Gọi tắt là Nghị định số 60**). Trong đó:

- Ban hành **Phụ lục I. Khung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo các lĩnh vực (điểm a Khoản 2 Điều 4)** (không ban hành danh mục chi tiết; danh mục này tương đồng với danh mục của Nghị định số 32). Đồng thời có quy định “Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp tục thực hiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền ban hành trong trường hợp danh mục hiện hành phù hợp với quy định tại điểm a khoản này; đồng thời, rà soát để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp” (**điểm b Khoản 2 Điều 4**).

- Quy định về thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: “Các bộ, cơ quan trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý” (**điểm a Khoản 3 Điều 4**); “Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, gửi Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giám sát trong quá trình thực hiện” (**điểm b Khoản 3 Điều 4**);

- Quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương (**điểm b Khoản 1 Điều 36**): “Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan trung ương theo quy định tại Điều 4 Nghị định này cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ”

- Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (**Khoản 1. Điều 37**). “Ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại **Điều 4 Nghị định** này cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ”.

## II. Nội dung thuyết minh, giải trình về tiếp thu ý kiến góp ý:

1. Về thẩm quyền ban hành (bao gồm sửa đổi và bổ sung) chi tiết danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách thuộc lĩnh vực KH&CN trên địa bàn tỉnh.

a) Tại Quyết định số 2099 và Nghị định số 32 có quy định khác nhau về thẩm quyền ban hành chi tiết danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Tại Quyết định số 2099, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ngoài danh mục đã ban hành kèm theo Quyết định (**khoản 3 Điều 2**);

- Tại Nghị định số 32, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành chi tiết các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương (**điểm a Khoản 2 Điều 5, điểm b Khoản 1 Điều 26**).

**Ý kiến của Sở KH&CN:** Theo khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định về nguyên tắc áp dụng VBQPPL như sau: *Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.*

Như vậy, sau khi Nghị định số 32 có hiệu lực, Quyết định số 2099 giảm phạm vi áp dụng; chỉ điều chỉnh các đối tượng quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương. Đồng thời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm ban hành chi tiết danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý của địa phương nhằm điều chỉnh các đối tượng quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của địa phương.

2. Tại Nghị định số 32 và Nghị định số 60 có quy định khác nhau về thẩm quyền ban hành chi tiết danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Nghị định số 32 giao thẩm quyền ban hành cho chủ tịch UBND tỉnh (**điểm a Khoản 2 Điều 5, điểm b Khoản 1 Điều 26**);

- Nghị định số 60, thẩm quyền ban hành là Hội đồng nhân dân tỉnh (**điểm b Khoản 3 Điều 4**).

**Ý kiến của Sở KH&CN:** Theo khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định về nguyên tắc áp dụng VBQPPL như sau: *Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau.*

Như vậy, sau khi Nghị định số 60 có hiệu lực, chi tiết Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2) Về ý kiến chỉ ban hành chi tiết danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách thuộc lĩnh vực KH&CN trên địa bàn tỉnh ngoài danh mục được ban hành kèm theo Quyết định số 2099, với lý do: Tại điểm b Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 60 có quy định: *“Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp tục thực hiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền ban hành trong trường hợp danh mục hiện hành phù hợp với quy định tại điểm a khoản này; đồng thời, rà soát để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp”*

- **Ý kiến của Sở KH&CN:** Như ý kiến của Sở KH&CN tại nội dung a.2, sau khi Nghị định số 32 có hiệu lực, phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 2099 chỉ còn lại các đôi tượng sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan trung ương. Việc **Nghị định số 60** quy định tiếp tục thực hiện danh mục do cơ quan thẩm quyền ban hành là quy định chuyển tiếp cho trường hợp chi tiết danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền ban hành theo Nghị định số 32 còn phù hợp (*phù hợp với danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 60, phù hợp với chức năng nhiệm vụ được phân cấp*).

Tuy nhiên cho đến thời điểm hiện nay, danh mục chi tiết dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực KH&CN trên địa bàn tỉnh (*ban hành theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 32*) chưa ban hành. Mặt khác, tại phần căn cứ ban hành Quyết định số 2099 có căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; 02 Nghị định này đã hết hiệu lực, được thay thế bởi Nghị định số 60.

Trên cơ sở danh mục dịch vụ sự nghiệp công được ban hành tại Quyết định số 2099 và danh mục dịch vụ sự nghiệp công cần ban hành định mức kinh tế kỹ thuật kèm theo Thông tư 21/2019/TT-BKH&CN ngày 18/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ đã vận dụng, lựa chọn dịch vụ công phù hợp với chức năng nhiệm vụ giao cho địa phương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách chi thường xuyên cho lĩnh vực KH&CN của tỉnh và cơ sở vật chất, năng lực hiện tại và thời gian đến của các đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập trực thuộc để tham mưu dự thảo Nghị quyết ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh./.

**Bảng 3**  
**THUYẾT MINH DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH THUỘC**  
**LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỀ XUẤT BAN HÀNH**

TT	Tên dịch vụ công	NSNN bảo đảm toàn bộ	NSNN bảo đảm chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá	Cơ sở pháp lý (Luật, Nghị định, ...)	Chức năng quản lý nhà nước về khoa học công nghệ tại địa phương (Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN)	Chức năng của đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập (Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN)
<b>I DỊCH VỤ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>						
1	Biên soạn và xuất bản các ấn phẩm thông tin khoa học và công nghệ	×		Luật KH&CN năm 2013; Luật Xuất bản năm 2012; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	<b>điểm h, i khoản 12 Điều 2:</b> Tổ chức các chợ công nghệ - thiết bị, các trung tâm, sàn giao dịch thông tin công nghệ trực tiếp và trên mạng Internet, triển lãm, hội chợ khoa học và công nghệ; phổ biến, xuất bản ấn phẩm và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ; <b>- Tổ chức hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê, cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ; in ấn, số hóa; tổ chức các sự kiện khoa học và công nghệ.</b>	<b>điểm a khoản 2 Điều 8:</b> Tổ chức và thực hiện xử lý, phân tích, tổng hợp và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ, thông tin, số liệu thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ lãnh đạo, quản lý nhà nước của địa phương; xuất bản và cung cấp các xuất bản phẩm định kỳ, ấn phẩm chuyên đề, tạp chí thuộc lĩnh vực thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2	Thông tin phổ biến kiến thức về khoa học và công nghệ	×		<p>Luật KH&amp;CN năm 2013;</p> <p>Luật Xuất bản năm 2012;</p> <p>Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;</p> <p>Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</p>	<p><b>điểm h, i khoản 12 Điều 2:</b> Tổ chức các chợ công nghệ - thiết bị, các trung tâm, sàn giao dịch thông tin công nghệ trực tiếp và trên mạng Internet, triển lãm, hội chợ khoa học và công nghệ; phổ biến, xuất bản ấn phẩm và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ;- Tổ chức hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê, cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ; in ấn, số hóa; tổ chức các sự kiện khoa học và công nghệ.</p>	<p><b>điểm i khoản 2 Điều 8:</b> Tổ chức và thực hiện phổ biến thông tin khoa học và công nghệ, thông tin thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương; phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng đưa tri thức khoa học đến với mọi đối tượng; cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn</p>
3	Dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo					
3.1	<i>Cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (pháp lý, tài chính, sở hữu trí tuệ, thông tin công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, và các dịch vụ khác)</i>		x	<p>Luật KH&amp;CN năm 2013;</p> <p>Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017;</p> <p>Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;</p>	<p><b>điểm g khoản 6 Điều 2:</b> Hướng dẫn và tổ chức triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; khai thác, ứng dụng công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tuyên truyền kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; huy động nguồn lực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo lại địa phương;</p> <p><b>điểm b Khoản 7 Điều 2:</b> Hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách</p>	<p><b>điểm h Khoản 2 Điều 7:</b> Thực hiện một số nhiệm vụ thường xuyên, các hoạt động sự nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước của Sở; thực hiện dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện các hoạt động tư vấn, môi giới, xúc tiến chuyển giao công nghệ và cung cấp các dịch vụ khoa học và công nghệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật;</p> <p><b>điểm p khoản 2 Điều 8:</b> Tổ chức,</p>

				<p>Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;</p> <p>Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Gia Lai</p>	<p>khuyến khích, phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp hỗ trợ đổi mới công nghệ; thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ và tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ</p>	<p>thực hiện và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, giáo dục và đào tạo, sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của xã hội trong lĩnh vực thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật</p>
3.2	<i>Cung cấp dịch vụ ươm tạo, dịch vụ đào tạo tập trung cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</i>		x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật KH&amp;CN năm 2013;</li> <li>- Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021;</li> <li>- Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;</li> <li>- Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ</li> </ul>	<p><b>điểm b khoản 13 Điều 2:</b> Tổ chức thực hiện các quy trình, thủ tục, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ</p>	<p><b>điểm p khoản 2 Điều 8:</b> Tổ chức, thực hiện và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, giáo dục và đào tạo, sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của xã hội trong lĩnh vực thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật</p>

				<p>sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;</p> <p>- Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09/2/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg</p> <p>- Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Gia Lai</p>	
4	Thu thập, lưu giữ một số giống cây trồng, dược liệu đặc thù, có giá trị trên địa bàn tỉnh	x		<p>- Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/09/2015 phê duyệt Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;</p> <p>- Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 ban hành Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp sinh học đến năm 2030;</p> <p>- Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 ban hành</p>	<p><b>Khoản 8 Điều 2:</b> Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ; khai thác, thương mại hóa, công bố, tuyên truyền kết quả nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và các hoạt động khoa học và công nghệ khác</p> <p><b>điểm c Khoản 2 Điều 7:</b> Tổ chức nghiên cứu, triển khai ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong và ngoài nước vào các lĩnh vực sản xuất, đời sống và bảo vệ môi trường;</p> <p><b>điểm e Khoản 2 Điều 7:</b> Lựa chọn các tiến bộ kỹ thuật và tổ chức khảo nghiệm để hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương đối với các sản phẩm mới;</p> <p><b>điểm m Khoản 2 Điều 7:</b> Xây dựng các mô hình trình diễn về ứng dụng các công nghệ mới, các kỹ</p>

				Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 - Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 phê duyệt đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn quỹ gen cấp tỉnh thực hiện trong giai đoạn 2021 -2025		thuật tiên bộ và phổ biến nhân rộng phù hợp với địa phương;
<b>II DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (BAO GỒM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ)</b>						
1	Tổ chức triển lãm khoa học và công nghệ		×	Luật KH&CN năm 2013; Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Luật Công nghệ cao năm 2008; Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009	<b>điểm g khoản 6 Điều 2:</b> Hướng dẫn và tổ chức triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; khai thác, ứng dụng công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tuyên truyền kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; huy động nguồn lực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo lại địa phương	<b>điểm k khoản 2 Điều 7:</b> Tổ chức và phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ của địa phương; bổ sung sách, báo, tài liệu dưới các hình thức như mua, tặng, trao đổi; tổ chức và phát triển công tác thư viện, thư viện điện tử, thư viện số, mạng thông tin khoa học và công nghệ của địa phương; tham gia Liên hợp thư viện Việt Nam về các nguồn tin khoa học và công nghệ
2	Tổ chức Hội chợ công nghệ và thiết bị		×	Luật KH&CN năm 2013; Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Luật Công nghệ cao năm 2008; Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật	<b>điểm h khoản 12 Điều 2:</b> Tổ chức các chợ công nghệ - thiết bị, các trung tâm, sàn giao dịch thông tin công nghệ trực tiếp và trên mạng Internet, triển lãm, hội chợ khoa học và công nghệ; phổ biến, xuất bản ấn phẩm và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ	<b>điểm l khoản 2 Điều 7:</b> Tổ chức, phối hợp tổ chức và tham gia Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), kết nối cung - cầu công nghệ (Techdemo), Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest), các trung tâm, sàn giao dịch thông tin công nghệ trực tiếp và trên mạng



				Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009		Internet, triển lãm, hội chợ khoa học và công nghệ trong và ngoài nước. Thu thập, cung cấp thông tin công nghệ, các sản phẩm và dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ; thông tin kết quả nghiên cứu ứng dụng, các tiến bộ kỹ thuật tại địa phương; thông tin về các chuyên gia tư vấn khoa học và công nghệ
3	Xây dựng và vận hành sàn giao dịch thông tin, công nghệ thiết bị trực tuyến		×	Luật KH&CN 2013; Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Luật Công nghệ cao năm 2008; Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009; Luật công nghệ thông tin năm 2006; Nghị định số 11/2004/NĐ-CP ngày 18/02/2014	<b>điểm h khoản 12 Điều 2:</b> Tổ chức các chợ công nghệ - thiết bị, các trung tâm, sàn giao dịch thông tin công nghệ trực tiếp và trên mạng Internet, triển lãm, hội chợ khoa học và công nghệ; phổ biến, xuất bản ấn phẩm và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ	<b>điểm 1 khoản 2 Điều 8:</b> Tổ chức, phối hợp tổ chức và tham gia Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), kết nối cung - cầu công nghệ (Techdemo), Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest), các trung tâm, sàn giao dịch thông tin công nghệ trực tiếp và trên mạng Internet, triển lãm, hội chợ khoa học và công nghệ trong và ngoài nước. Thu thập, cung cấp thông tin công nghệ, các sản phẩm và dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ; thông tin kết quả nghiên cứu ứng dụng, các tiến bộ kỹ thuật tại địa phương; thông tin về các chuyên gia tư vấn khoa học và công nghệ
4	Tổ chức hoạt động giao dịch thông tin công nghệ và thiết bị		×	Luật KH&CN 2013; Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Luật Công nghệ cao năm 2008; Luật Sở hữu	<b>điểm h khoản 12 Điều 2:</b> Tổ chức các chợ công nghệ - thiết bị, các trung tâm, sàn giao dịch thông tin công nghệ trực tiếp và trên mạng Internet, triển lãm, hội chợ khoa học và công nghệ; phổ	<b>điểm 1 khoản 2 Điều 8:</b> Tổ chức, phối hợp tổ chức và tham gia Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), kết nối cung - cầu công nghệ (Techdemo), Ngày hội khởi nghiệp

				trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009;	biển, xuất bản ấn phẩm và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ	đổi mới sáng tạo (Techfest), các trung tâm, sàn giao dịch thông tin công nghệ trực tiếp và trên mạng Internet, triển lãm, hội chợ khoa học và công nghệ trong và ngoài nước. Thu thập, cung cấp thông tin công nghệ, các sản phẩm và dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ; thông tin kết quả nghiên cứu ứng dụng, các tiến bộ kỹ thuật tại địa phương; thông tin về các chuyên gia tư vấn khoa học và công nghệ
5	Xây dựng và quản trị hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ	×		Luật KH&CN 2013; Luật công nghệ thông tin năm 2006; Nghị định số 11/2004/NĐ-CP ngày 18/02/2014	<b>điểm c khoản 12 Điều 2:</b> Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ; tham gia xây dựng, cập nhật và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; xây dựng, quản lý, kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của địa phương bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất; tham gia khai thác, duy trì và phát triển Mạng Nghiên cứu và Đào tạo Việt Nam (VinaREN) và các mạng thông tin khoa học và công nghệ khác; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, phương tiện kỹ thuật tiên tiến trong hoạt động thông tin, thống kê khoa học và công nghệ	<b>điểm d khoản 2 Điều 8:</b> Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ; tham gia xây dựng, cập nhật và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; xây dựng, quản lý, kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của địa phương bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất
6	Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin	×		Luật KH&CN 2013; Luật công nghệ thông tin năm 2006;	<b>điểm c khoản 12 Điều 2:</b> Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ; tham gia xây dựng, cập nhật	<b>điểm d khoản 2 Điều 8:</b> Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ; tham gia xây

	tin khoa học và công nghệ			Nghị định số 11/2004/NĐ-CP ngày 18/02/2014	và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; xây dựng, quản lý, kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của địa phương bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất; tham gia khai thác, duy trì và phát triển Mạng Nghiên cứu và Đào tạo Việt Nam (VinaREN) và các mạng thông tin khoa học và công nghệ khác; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, phương tiện kỹ thuật tiên tiến trong hoạt động thông tin, thống kê khoa học và công nghệ	dựng, cập nhật và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; xây dựng, quản lý, kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của địa phương bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất
7	Xây dựng và phát triển công thông tin khoa học và công nghệ	×		Luật KH&CN 2013; Luật công nghệ thông tin năm 2006; Nghị định số 11/2004/NĐ-CP ngày 18/02/2014	điểm c khoản 12 Điều 2: Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ; tham gia xây dựng, cập nhật và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; xây dựng, quản lý, kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của địa phương bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất; tham gia khai thác, duy trì và phát triển Mạng Nghiên cứu và Đào tạo Việt Nam (VinaREN) và các mạng thông tin khoa học và công nghệ khác; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, phương tiện kỹ thuật tiên tiến trong hoạt động thông tin, thống kê khoa học và công nghệ	điểm e khoản 2 Điều 8: Thiết lập, triển khai và kết nối Mạng VinaREN, các mạng thông tin khoa học và công nghệ khác; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, phương tiện kỹ thuật tiên tiến trong hoạt động thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quản lý công thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ, công thông tin điện tử về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của tỉnh
8	Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu	×		Luật KH&CN 2013;	điểm c khoản 12 Điều 2: Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin khoa học và	điểm d khoản 2 Điều 8: Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin khoa

	quốc gia về khoa học và công nghệ			Luật công nghệ thông tin năm 2006; Nghị định số 11/2004/NĐ-CP ngày 18/02/2014	công nghệ; tham gia xây dựng, cập nhật và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; xây dựng, quản lý, kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của địa phương bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất; tham gia khai thác, duy trì và phát triển Mạng Nghiên cứu và Đào tạo Việt Nam (VinaREN) và các mạng thông tin khoa học và công nghệ khác; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, phương tiện kỹ thuật tiên tiến trong hoạt động thông tin, thống kê khoa học và công nghệ	học và công nghệ; tham gia xây dựng, cập nhật và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; xây dựng, quản lý, kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của địa phương bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất
9	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ công nghệ, chuyên gia công nghệ	×		Luật KH&CN 2013; Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Luật Công nghệ cao năm 2008; Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009; Luật công nghệ thông tin năm 2006; Nghị định số 11/2004/NĐ-CP ngày 18/02/2014	<b>điểm c khoản 12 Điều 2:</b> Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ; tham gia xây dựng, cập nhật và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; xây dựng, quản lý, kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của địa phương bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất; tham gia khai thác, duy trì và phát triển Mạng Nghiên cứu và Đào tạo Việt Nam (VinaREN) và các mạng thông tin khoa học và công nghệ khác; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, phương tiện kỹ thuật tiên tiến trong hoạt động thông tin, thống kê khoa học và công nghệ	<b>điểm d khoản 2 Điều 8:</b> Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ; tham gia xây dựng, cập nhật và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; xây dựng, quản lý, kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của địa phương bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất

10	Thống kê khoa học và công nghệ	×		Luật KH&CN 2013; Luật công nghệ thông tin năm 2006; Nghị định số 11/2004/NĐ-CP ngày 18/02/2014	<b>điểm a khoản 12 Điều 2:</b> Tổ chức và thực hiện xử lý, phân tích, tổng hợp và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ, thông tin thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương	<b>điểm h khoản 2 Điều 8:</b> Tham gia tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia và ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia tại địa phương; tổ chức triển khai các cuộc điều tra thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương; tổng hợp, xử lý, phân tích và cập nhật vào cơ sở dữ liệu về các cuộc điều tra thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của địa phương; phổ biến, công bố kết quả điều tra thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương
10.1	Điều tra thống kê khoa học và công nghệ	×		nt	nt	<b>điểm h khoản 2 Điều 8 (2)</b>
10.2	Hoạt động nghiệp vụ thống kê khoa học và công nghệ	×		nt	nt	<b>điểm h khoản 2 Điều 8 (2)</b>
<b>III DỊCH VỤ LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG</b>						
1	Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường địa phương	×		Luật Đo lường năm 2011 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 hướng dẫn Luật Đo lường;	<b>điểm h khoản 10 Điều 2:</b> Tổ chức thực hiện việc kiểm tra về đo lường đối với chuẩn đo lường, phương tiện đo, phép đo, hàng đóng gói sẵn, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các biện pháp để người	<b>điểm b khoản 2 Điều 9:</b> Thiết lập, duy trì, bảo quản và khai thác các chuẩn đo lường của địa phương

				<p>Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 phê duyệt Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;</p> <p>- Kế hoạch số 541/KH-UBND ngày 13/3/2020 triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Gia Lai</p>	<p>có quyền và nghĩa vụ liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện phép đo, phương pháp đo, phương tiện đo, chuẩn đo lường, chất lượng hàng hóa: <i>tổ chức thực hiện việc thiết lập, duy trì, bảo quản, sử dụng các chuẩn đo lường của địa phương</i></p>	
2	<p>Tư vấn xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước</p>		×	<p>Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006;</p> <p>Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu</p>	<p><b>Điểm 1 Khoản 2 Điều 2:</b> Tổ chức thực hiện việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương theo quy định của pháp luật;</p> <p><b>Khoản 6 Điều 6:</b> Tổ chức triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001</p>	<p><b>điểm g Khoản 2 Điều 9:</b> Thực hiện tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và các công cụ cải tiến nâng cao năng suất chất lượng cho các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp</p>

				chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương theo phân cấp hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở.	
3	Tổ chức Giải thưởng chất lượng quốc gia	×		<p>Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006;</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá</p>	<p><b>điểm m Khoản 10 Điều 2:</b> Hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp tham dự giải thưởng chất lượng quốc gia, quốc tế; xem xét, đánh giá các tổ chức, doanh nghiệp tham dự giải thưởng chất lượng quốc gia trên địa bàn tỉnh theo quy định</p>	<p><b>điểm g Khoản 2 Điều 9:</b> Thực hiện các hoạt động trợ giúp các đơn vị, tổ chức tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia; ứng dụng công nghệ mã số, mã vạch</p>

**Bảng 4**  
**THUYẾT MINH CHỨC NĂNG VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**  
**CÁC DỊCH VỤ CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH THUỘC LĨNH VỰC**  
**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Về nguồn lực thực hiện các dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh chủ yếu do 2 tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện, cụ thể như sau:

**I. TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**1. Về chức năng nhiệm vụ**

Chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều 7 (Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ) và Điều 8 (Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng thông tin và thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo) Thông tư 01/2021/TT-BKHCN.

Dự kiến giao nhiệm vụ cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và công nghệ (*gọi tắt là Trung tâm*) thực hiện các dịch vụ công sử dụng ngân sách đối với 2 nhóm lĩnh vực sau:

- Hoạt động khoa học và công nghệ: 4 dịch vụ;
- Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (bao gồm thông tin và thống kê khoa học và công nghệ): 10 dịch vụ

**1. Về nhân lực:** Tính đến tháng 04/2023 Trung tâm có 30 người (03 viên chức và 27 lao động theo hợp đồng) thuộc nhiều lĩnh vực và chuyên ngành khác nhau như công nghệ sinh học, nông nghiệp, công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường, ....có trình độ chuyên môn từ Trung cấp trở lên. Trong đó có 01 nghiên cứu sinh, 05 thạc sĩ, 11 kỹ sư/cử nhân. Trung tâm đã chủ trì thực hiện nhiều nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai ứng dụng, chuyên gia tiến bộ kỹ thuật cấp Nhà nước, cấp tỉnh và cấp cơ sở (*Trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay Trung tâm đã triển khai thực hiện hơn 30 đề tài, dự án cấp nhà nước, cấp tỉnh, cấp cơ sở và nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng*). Với nguồn nhân lực và năng lực, kinh nghiệm triển khai các nhiệm vụ KH&CN trên nên đảm bảo thực hiện được các dịch vụ được giao.

**2. Về cơ sở vật chất**

**a) Dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

Hiện nay, Sở KH&CN đang triển khai dự án đầu tư “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vườn ươm, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo làm trọng điểm tại tỉnh Gia Lai” với tổng mức đầu tư là 45 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2023<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vườn ươm, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo làm trọng điểm tại tỉnh Gia Lai;



Theo chức năng, nhiệm vụ và dự án được phê duyệt, Trung tâm là đơn vị tiếp nhận và vận hành cơ sở hạ tầng vườn ươm, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để triển khai ý tưởng, dự án khởi nghiệp có tính khả thi, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng, đổi mới công nghệ từ kết quả nghiên cứu nhằm gia tăng số lượng sản phẩm khoa học công nghệ áp dụng vào sản xuất theo nhu cầu của doanh nghiệp.

**b) Dịch vụ thu thập, lưu giữ một số giống cây trồng, dược liệu đặc thù, có giá trị trên địa bàn tỉnh**

- Giai đoạn 2016 -2020, Trung tâm đã được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại như: Hệ thống trang thiết bị thí nghiệm, nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ sinh học; hệ thống nhà kính, phòng nuôi cấy mô, trang thiết bị sản xuất... để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ vào sản xuất và đời sống. Hiện nay, Sở KH&CN đang triển khai dự án đầu tư “Hoàn thiện, tăng cường tiềm lực về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại Khu thực nghiệm khoa học và công nghệ; xây dựng cơ sở vật chất bảo tồn quỹ gen”<sup>2</sup> với tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, Trung tâm sẽ tiếp nhận và vận hành các cơ sở vật chất của dự án nhằm nghiên cứu ứng dụng, bảo tồn quỹ gen và lai tạo giống mới bằng phương pháp nhân giống invitro, góp phần tích cực trong việc phát triển bền vững của tỉnh.

**c) Nhóm các dịch vụ công về thông tin và thống kê khoa học và công nghệ<sup>3</sup>**

- Hiện nay, Trung tâm được giao vận hành Điểm kết nối cung - cầu công nghệ của tỉnh. Đồng thời, Sở KH&CN đang triển khai dự án đầu tư “Xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở thông tin khoa học công nghệ phục vụ cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) với Tổng mức đầu tư là 20 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2024<sup>4</sup>. Theo chức năng nhiệm vụ, Trung tâm là đơn vị tiếp nhận dự án sau khi hoàn thành để tổ chức triển khai các hoạt động thông tin và thống kê khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

## II. TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

<sup>2</sup> Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án Hoàn thiện, tăng cường tiềm lực về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại Khu thực nghiệm khoa học và công nghệ; xây dựng cơ sở vật chất bảo tồn quỹ gen.

<sup>3</sup> Bao gồm 12 dịch vụ công: (1). Biên soạn và xuất bản các ấn phẩm thông tin khoa học và công nghệ; (2). Thông tin phổ biến kiến thức về khoa học và công nghệ; (3). Tổ chức triển lãm khoa học và công nghệ; (4). Tổ chức Hội chợ công nghệ và thiết bị; (5). Xây dựng và vận hành sản phẩm dịch vụ thông tin, công nghệ thiết bị trực tuyến; (6). Tổ chức hoạt động giao dịch thông tin công nghệ và thiết bị; (7) Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ công nghệ, chuyên gia công nghệ; (8). Xây dựng và quản trị hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ; (9). Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin khoa học và công nghệ; (10). Xây dựng và phát triển cổng thông tin khoa học và công nghệ; (11). Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ ; (12). Thống kê khoa học và công nghệ

<sup>4</sup> Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh phê duyệt báo cáo khả thi dự án “Xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở thông tin khoa học công nghệ phục vụ cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)”

**1. Về chức năng, nhiệm vụ:** Chức năng nhiệm vụ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (gọi tắt là Trung tâm) được quy định tại Điều 9 (Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện hoạt động sự nghiệp và dịch vụ về tiêu chuẩn, đo lường, năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa) Thông tư 01/2021/TT-BKHCN.

Dự kiến giao nhiệm vụ cho Trung tâm thực hiện các dịch vụ công sử dụng ngân sách đối với lĩnh vực về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, cụ thể: (1) *Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường địa phương;* (2) *Tư vấn xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN* (3) *Tổ chức Giải thưởng chất lượng quốc gia.*

**2. Về nhân lực:** Trung tâm có 04 phòng và một trạm chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Trung tâm. Tổng số cán bộ hiện nay của Trung tâm là 30 cán bộ, thuộc nhiều lĩnh vực và chuyên ngành khác nhau như: Công nghệ sinh học, Công nghệ sinh học - thực phẩm, Hóa polyme, Hóa silicat, Kỹ thuật điện, Công nghệ thông tin, Kỹ sư điện tử ... được đào tạo bài bản và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Hiện nay, Trung tâm có 12 kiểm định viên và hiệu chuẩn viên; 9 thử nghiệm viên được công nhận và chỉ định; 06 chuyên gia được chứng nhận là chuyên gia về tư vấn xây dựng và áp dụng các hệ thống hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, ISO 2200,... Trong đó có 4 chuyên gia tư vấn hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

**3. Về năng lực được công nhận, chỉ định:** Trung tâm đã được cấp giấy chứng nhận, chỉ định đủ điều kiện hoạt động đối với các dịch vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo các qui định hiện hành như sau:

- **Đối với lĩnh vực về đo lường:** Được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quyết định công nhận 52 bộ chuẩn đo lường để kiểm định phương tiện đo<sup>5</sup>; công nhân năng lực kiểm định, hiệu chuẩn với 29 loại phương tiện đo, chuẩn đo lường của đáp ứng yêu cầu theo Nghị định 105/2016/NĐ-CP<sup>6</sup>; Hoạt động hiệu chuẩn phương tiện đo của Trung tâm đạt Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 với số hiệu VLAC 1.0174 với 12 phép hiệu chuẩn.

- **Đối với tư vấn về năng suất:** Được Tổng cục tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận đủ điều kiện tư vấn hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 đối với cơ quan tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước<sup>7</sup>; Nhiều nhân lực được chứng nhận là chuyên gia về xây dựng và áp dụng các hệ thống hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, ISO 2200,... Trong đó có 4 chuyên gia tư vấn thực hiện tư vấn hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống

<sup>5</sup> Quyết định số 1908/QĐ-TĐC ngày 11/11/2022

<sup>6</sup> Giấy chứng nhận số 2792/TĐC-ĐL ngày 29/9/2022

<sup>7</sup> Quyết định số 1448/TĐC-HCHQ ngày 19/5/2020;

hành chính nhà nước.

- Đối với hoạt động thử nghiệm: Hoạt động thử nghiệm trên 3 lĩnh vực: Thử nghiệm chất lượng thực phẩm (Các loại nước uống, trà, cà phê, mật ong...); Thử nghiệm chất lượng phân bón và Quan trắc môi trường.

+ Tổng cục tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp<sup>8</sup> với hơn 100 chỉ tiêu thử nghiệm lĩnh vực sinh học và hóa học;

+ Văn phòng công nhận năng lực và đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn và chất lượng công nhận năng lực thử nghiệm đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017<sup>9</sup> với 15 chỉ tiêu lĩnh vực sinh học và 126 chỉ tiêu lĩnh vực hóa học.

+ Cục Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chỉ định phòng thử nghiệm phân bón<sup>10</sup> cho 15 chỉ tiêu trên tất cả các nền mẫu phân bón

+ Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế chỉ định phòng thử nghiệm an toàn thực phẩm (các mẫu nước uống đóng chai, cà phê, nước mắm, mật ong,...)<sup>11</sup> với 34 chỉ tiêu trên các nền mẫu nước ăn uống, nước đá, thực phẩm.

- Đối với lĩnh vực đánh giá, công nhận chất lượng sản phẩm: Được Tổng cục tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận theo Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp<sup>12</sup> đối với lĩnh vực chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn các loại sản phẩm phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, phân bón vô cơ hỗn hợp, nước uống đóng chai, muối bổ sung i-ốt, cà phê bột; được Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế) chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai (QCVN 1-6:2010/BYT); muối ăn bổ sung i-od (QCVN 9-1:2011/BYT)<sup>13</sup>.

**4. Về cơ sở vật chất:** Trung tâm đã được đầu tư trang bị cơ sở vật chất và trang thiết bị khá hiện đại và đầy đủ cho lĩnh vực thử nghiệm và đo lường hiệu chuẩn bao gồm một tòa nhà làm việc chính và 01 trạm đo lường (kiểm định xitec ô tô, taximet, cân ô tô,...) với các trang thiết bị cho hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn; thử nghiệm và chứng nhận đảm thực hiện được các nhiệm vụ được giao<sup>14</sup>.

<sup>8</sup> Quyết định số 304/TĐC-HCHQ ngày 08/03/2012, Quyết định số 492/TĐC-HCHQ ngày 01/03/2018, Quyết định số 4256/TĐC-HCHQ ngày 16/12/2020;

<sup>9</sup> Quyết định số 275/QĐ-AOSC ngày 22/12/2022

<sup>10</sup> Quyết định số 828/QĐ-BVTV-KH ngày 04/4/2019; Quyết định 702/QĐ-BVTV-KH ngày 21/04/2020

<sup>11</sup> Quyết định số 1347/QĐ-ATTP ngày 24/12/2018

<sup>12</sup> Quyết định số 363/TĐC-HCHQ ngày 06/02/2018; 405/TĐC – HCHQ ngày 21/02/2023

<sup>13</sup> Quyết định số 142/QĐ-ATTP ngày 22/3/2018;

<sup>14</sup> Giai đoạn 2016-2020 được đầu tư tại dự án “Đầu tư mở rộng khả năng kiểm định, thử nghiệm trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng”; Tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng (Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Gia Lai); Giai đoạn 2021-2025 được đầu tư tại dự án “Đầu tư trang thiết bị đo lường, thử nghiệm trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng”; Tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng (Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 29/5/2021 của UBND tỉnh Gia Lai).